

Bài báo nghiên cứu

**KHẲNG ĐỊNH LOÀI LẤU HENRY (*Psychotria henryi* H.Lév.)
VÀ LẤU VÂN NAM (*Psychotria yunnanensis* Hutch.) PHÂN BỐ Ở VIỆT NAM****Nguyễn Quốc Bảo^{1,2*}, Đặng Văn Sơn^{1,2}, Quách Văn Toàn Em³, Phạm Văn Ngọt³**¹Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam²Viện Sinh học Nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam³Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*Tác giả liên hệ: Nguyễn Quốc Bảo – Email: quocbao.nguyen98@gmail.com

Ngày nhận bài: 24-6-2024; ngày nhận bài sửa: 11-11-2024; ngày duyệt đăng: 24-11-2024

TÓM TẮT

Loài Lầu Henry (*Psychotria henryi* H.Lév.) và Lầu Vân Nam (*Psychotria yunnanensis* Hutch.) thuộc chi Lầu (*Psychotria* L.), họ Cà phê (*Rubiaceae*) được mô tả lần đầu tiên tại Vân Nam, Trung Quốc. Bằng phương pháp hình thái so sánh, điều tra thực địa, kết hợp các tài liệu chính về phân loại chi Lầu (*Psychotria* L.) cũng như tham khảo các mẫu tiêu bản từ các bảo tàng trong nước và trên thế giới, chúng tôi khẳng định sự có mặt của hai loài Lầu này ở Việt Nam. Trong bài báo này, chúng tôi mô tả chi tiết về đặc điểm hình thái thực vật dựa vào mẫu tiêu bản, tài liệu gốc và tài liệu liên quan, mẫu chuẩn, phân bố và sinh thái, bảng so sánh giữa các loài và hình ảnh minh họa. Các mẫu tiêu bản được thu thập và lưu trữ tại Bảo tàng Động-Thực vật (VNM) thuộc Viện Sinh học Nhiệt đới (ITB).

Từ khóa: đa dạng; hình thái; tông Lầu; Cà phê; Việt Nam**1. Giới thiệu**

Chi Lầu (*Psychotria* L.) với số lượng khoảng 1834 loài, phân bố rộng từ vùng nhiệt đới, cận nhiệt đới, được xem là chi có số lượng loài nhiều nhất trong họ Cà phê (*Rubiaceae*) (Frodin, 2000). Các loài trong chi này chủ yếu là cây bụi, thân gỗ nhỏ, thân thảo, dây leo; lá mọc đối (hiếm khi mọc vòng); lá kèm nguyên hay chẻ đôi; cụm hoa hình xim, ngù, chùy, thường mọc đầu cành; lá bắc tiêu giảm hay hình thành tổng bao. Hoa nhỏ, lưỡng tính; quả hạch, hai hạt; hạt phẳng bụng – lõm lưng, nội nhũ giàu hay nhẵn. Tại Việt Nam, số lượng loài ghi nhận theo thống kê mới nhất của Trần Ngọc Ninh (2005) có khoảng 26 loài và 1 thứ phân bố từ Bắc vào Nam, với 9 loài có giá trị làm thuốc trong y học cổ truyền có tác dụng trong việc chữa cảm mạo, kiết lỵ, thấp khớp, hô hấp, rắn cắn, băng huyết... (Tran, 2005; Vo, 2012). Đến năm 2023, một loài Lầu mới được phát hiện tại Bidoup – Núi Bà, nâng tổng số loài trong chi này khoảng 27 loài và 1 thứ ở Việt Nam (Nguyen et al., 2023). Trong quá trình

Cite this article as: Nguyen Quoc Bao, Dang Van Son, Quach Van Toan Em, & Pham Van Ngot (2024). Confirmation of the distribution of *Psychotria henryi* H.Lév and *Psychotria yunnanensis* Hutch. in Vietnam. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(11), 2126-2134.

thực địa thu mẫu và nghiên cứu mẫu vật của chi Lầu (*Psychotria* L.) được lưu trữ tại các bảo tàng trong nước và trên thế giới, chúng tôi ghi nhận loài Lầu Henry (*Psychotria henryi* H.Lév.) và Lầu Vân Nam (*Psychotria yunnanensis* Hutch.) bước đầu có ở Việt Nam. Kết hợp với nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành khẳng định sự có mặt của hai loài Lầu này có mặt tại Việt Nam mà trước đây còn nghi ngờ hoặc định danh nhầm lẫn về mặt phân loại học, những căn cứ cụ thể: (1) Loài Lầu Vân Nam (*P. yunnanensis*) thường giám định nhầm lẫn với loài Lầu Mê Kông (*Psychotria mekongensis* Pit.), hơn nữa, theo thống kê của Phạm Hoàng Hộ (2000) có đề cập đến loài Lầu này, nhưng còn nghi ngờ về mặt phân loại "*Psychotria cf. yunnanensis* Hutch." (Phạm, 2000); (2) loài Lầu Henry được đề cập đầu tiên trong quyển "*Đa dạng thực vật có mạch vùng núi cao Sa Pa – Phan Si Pan*" của Nguyễn Nghĩa Thìn và Nguyễn Thị Thời (1998) (Nguyễn & Nguyễn, 1998), tuy nhiên, không có tài liệu nào đề cập hay thống kê tại Việt Nam sau đó, trong khi sự phân bố của loài Lầu Henry được đề cập có ở Việt Nam trong quyển "*Flora of China*" (Chen & Taylor, 2011). Từ những lý do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu các đặc điểm hình thái thực vật nhằm khẳng định lại sự có mặt của các loài Lầu này ở Việt Nam. Số lượng loài thuộc chi Lầu (*Psychotria* L.) tại Việt Nam vẫn còn được tiếp tục cập nhật trong tương lai.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Mẫu vật thuộc loài Lầu Henry (*P. henryi*) và loài Lầu Vân Nam (*P. yunnanensis*) thu thập ngoài thực địa, kết hợp với các mẫu tiêu bản đang lưu giữ trong các bảo tàng thực vật trong nước (HN, VNM) và quốc tế (A, BRIT, E, HITBC, K, L, LBG, LE, NAS, NY, MO, P, US).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu mẫu, sơ chế và bảo quản mẫu

Thu mẫu tiêu bản được tiến hành trong quá trình khảo sát thực địa. Mẫu cây được thu gồm cơ quan sinh dưỡng (thân, lá) và cơ quan sinh sản (hoa, quả, hạt). Mỗi mẫu thu có kích thước vừa phải, ghi chú thông tin như số hiệu mẫu, tọa độ thu mẫu, địa điểm thu mẫu, thời gian thu mẫu, người thu mẫu, đặc điểm sinh học, các mẫu được bảo quản trong bao zip bằng nylon chứa cồn 70° và đem về phòng thí nghiệm phân tích chi tiết và ép khô (Nguyễn, 2007).

2.2.2. Xác định tên khoa học và mô tả đặc điểm hình thái

Sử dụng phương pháp hình thái so sánh nghiên cứu đặc điểm hình thái của hai loài nghiên cứu. Định danh tên khoa học dựa trên cơ sở so sánh với các tài liệu chuyên ngành (*Flore Générale de L'Indochine* (Pitard, 1924), *Cây cỏ Việt Nam, tập 3* (Phạm, 2000), *Flora of China* (Chen & Taylor (2011)) và đối chiếu với các mẫu tiêu bản lưu trữ tại các bảo tàng trong nước (mẫu tiêu bản khô) và trên thế giới (ảnh quét mẫu tiêu bản). Đồng thời, chụp hình các cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản bằng máy ảnh Canon 750D với ống len Canon

EF-S 60mm F2.8 USM Macro. Tiến hành mô tả các đặc điểm hình thái của hai loài theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) (Nguyen, 2007).

3. Kết quả nghiên cứu

1. *Psychotria henryi* H.Lév. – Lầu Henry

H. Lévillé, 1914. Repert. Spec. Nov. Regni Veg. 13: 179.

Mẫu chuẩn: TRUNG QUỐC. Yunnan, Szemao forest, 4000', *Henry* N°12146 (Isot: A!, MO!, NY!, LE!)

Cây bụi, cao 1-2 m, thân non có lông ngắn mịn, thân già nhẵn. Lá mọc đối chữ thập, hình bầu dục, bầu dục thuôn, mũi mác thuôn, kích thước 4-15,5 × 2-5 cm, mặt trên xanh đậm, nhẵn bóng hay có lông ngắn mịn, khó thấy, mặt dưới xanh nhạt, có lông ngắn mịn, nhọn hay có đuôi ngắn ở đỉnh, nhọn ở gốc; mép lá nguyên, gân chính lõm ở mặt dưới; gân phụ 6-12 đôi, hướng lên, nổi ở mặt dưới, không có hốc “domatia”, cuống lá dài 0,5-2,2 cm, hơi uốn cong phía gốc, có lông ngắn. Lá kèm hình trứng hay tam giác, dài 3-5 mm, đỉnh nhọn, chẻ đôi thành hai thùy khoảng 1/4-1/3 lá kèm, mép nguyên, mặt ngoài có lông mịn, mặt trong với hai hàng lông dài, dày đặc gần gốc, lá kèm sớm rụng. Cụm hoa hình chùm xim dày đặc, mọc ở đầu cành, cuống cụm hoa dài khoảng 0,5 cm, có lông mịn hay nhẵn bóng; lá bắc hình tam giác thuôn, dài khoảng 1-1,5 mm, có lông mịn, sớm rụng, lá bắc con khó thấy. Hoa đều, lưỡng tính, mẫu 5, kích thước nhỏ; hoa có không cuống hay có cuống dài khoảng 0,5 mm; đài 5 thùy, hợp, hình tam giác hẹp hay thuôn hẹp, đỉnh dày, nhọn, dài 1,25-2 mm, ống đài dài 1-2 mm, đài có lông mịn bên ngoài; tràng 5 thùy, màu trắng, hình trứng hay tam giác, đỉnh nhọn, uốn cong khi nở rộ, kích thước 1,2-1,5 mm, ống tràng dài 1,5-2 mm, vòng lông dày đặc ở họng tràng, màu. Bộ nhị 5, chèn giữa họng tràng, nhô cao; chỉ nhị dài khoảng 0.1-0.5 mm, bao phấn hình elip, dài khoảng 1 mm, hai buồng phấn nối với nhau bởi trung đới, hướng nội, đính lưng. Bộ nhụy 2 lá noãn hợp, bầu dưới, bầu nhụy 2 ô, mỗi ô 1 noãn, đính noãn đáy. Quả hạch, màu đỏ, hình bầu dục hay gần cầu, 8-10 × 5-9 mm, vỏ ngoài lông mịn, khó thấy; vòng đài còn tồn tại trên quả; hạch 2, mặt bụng phẳng, mặt lưng lõm 4-5 sóng và 3-4 rãnh. Hạt nửa hình trứng hay nửa cầu, 5-7 × 4-5 mm, nội nhũ nhẵn (**Hình 1**).

Sinh học và sinh thái: Ra hoa vào tháng 5-7, quả chín vào tháng 10-12. Cây mọc dưới tán rừng thường xanh ở độ cao khoảng 200-1500 m.

Phân bố: Việt Nam (Ninh Bình, Sơn La, Hà Tĩnh). Ngoài ra, loài còn phân bố ở Trung Quốc (Vân Nam, Hải Nam).

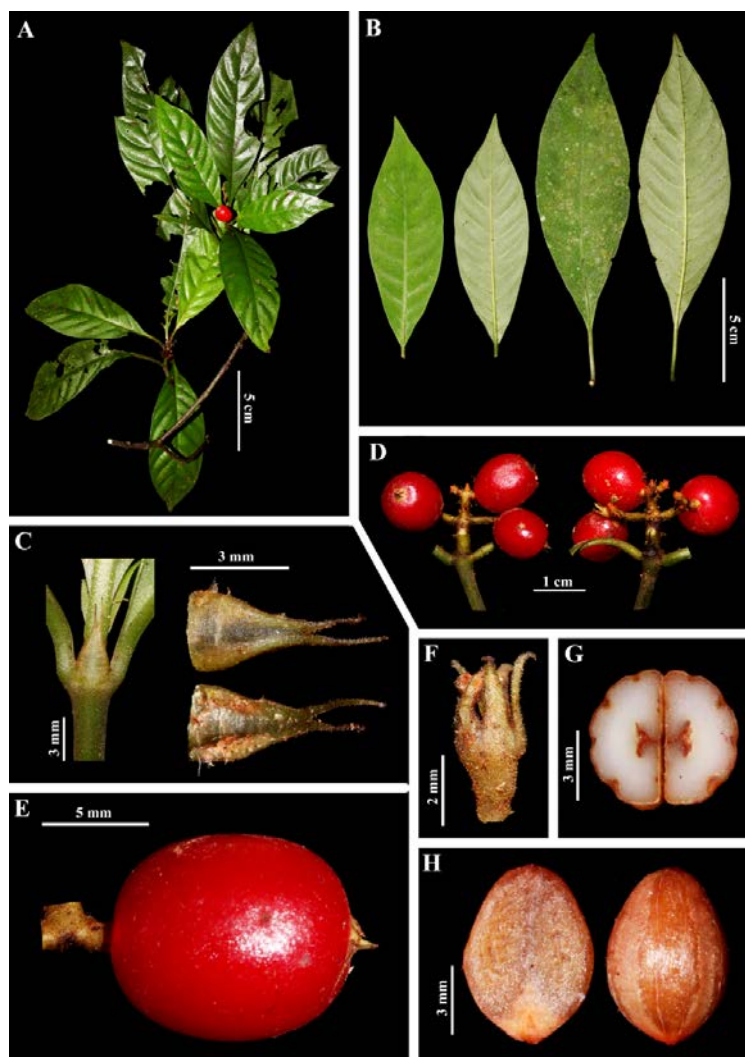
Mẫu nghiên cứu: VIỆT NAM. — HÀ TĨNH, Soejarto, D.D. et al. N°11176 (L!). — SƠN LA, Nguyen, Q.B. QB123 (VNM!). — NINH BÌNH, Nguyen, Q.B. QB093 (VNM!), Mai, V.X & Bui, H.Q. MVX_455 (L!). TRUNG QUỐC. HẢI NAM, McClure, F.A. N°9604 (US!). — VÂN NAM, *Henry* N°12146B (US!), *Henry* N°12146C (MO!), *Henry* N°12146D (E!, L!), Wang, C.W. N°80698 (NAS!, LBG!), 周仕顺 (Zhou, S.S.) N°884 (HITBC!), 段广维 (Duan, G.W.) N°9 (HITBC!), 王洪 (Wang, H.) N°2388 (HITBC!).

Ghi chú: Lầu Henry được mô tả lần đầu tiên vào năm 1914 tại Vân Nam (Trung Quốc). Theo ghi nhận, loài này đang ở mức nguy cấp Nguy hiểm (LC) tại Trung Quốc. Ở Việt Nam, đây là lần đầu tiên chúng tôi khẳng định chắc chắn về mặt phân loại học của loài này tại khu vực miền Bắc Việt Nam.

Về mặt hình thái, loài Lầu Henry có những đặc điểm hình thái giống với loài Lầu Bắc bộ (*Psychotria tonkinensis* Pit.), tuy nhiên, chúng có những đặc điểm khác biệt về dạng lá, kích thước lá, dạng lá kèm, và cấu trúc cụm hoa, cụm quả. Sự khác biệt này được thể hiện qua Bảng 1.

Bảng 1. So sánh đặc điểm hình thái
giữa loài Lầu Henry (*P. henryi*) và Lầu Bắc Bộ (*P. tonkinensis*)

Đặc điểm		<i>P. henryi</i>	<i>P. tonkinensis</i>
Lá	Thân	1-2 m, thân non có lông mịn, thân già nhẵn	1.5 m, không lông
	Cuống lá	5-22 mm, có lông mịn	8-30 mm
	Phiến lá	4-15,5 × 2-5 cm, mặt trên có nhẵn hay có lông mịn, mặt dưới có lông mịn	8-18 × 3-6,5 cm, nhẵn hai mặt
	Gân phụ	6-12 đôi	7-9 đôi
Lá kèm		Dài 3-5 mm, đỉnh nhọn, chẻ đôi thành hai thùy khoảng 1/4-1/3 lá kèm, có lông mịn.	Dài 3-4 mm, đỉnh nhọn, chẻ đôi thành 2 thùy, khoảng 1/5-1/4 lá kèm, không lông
Cụm hoa		Chùm xim dày đặc, cuống cụm hoa dài khoảng 5 mm, trục phụ dài khoảng 3 mm, có lông mịn hay nhẵn bóng	Chùm xim dày đặc, cuống cụm hoa dài 3,5 mm, trục phụ rất ngắn, không lông.
Hoa	Đài	Thùy dài 1,25-2 mm, ống đài dài 1-2 mm, đài có lông mịn bên ngoài	Thùy dài 1,25 mm, ống đài dài 1 mm
	Tràng	Thùy dài 1,2-1,5 mm, ống tràng dài 1,5-2 mm	Thùy dài 1 mm, ống tràng dài 3 mm
Quả		8-10 × 5-9 mm, vỏ ngoài lông mịn, khó thấy	8 × 6 mm, vỏ ngoài không lông
Hạch		Mặt bụng phẳng, mặt lưng lồi 4-5 sóng và 3-4 rãnh	-
Hạt		5-7 × 4-5 mm	6,5 × 4,5 mm



Hình 1. *Psychotria henryi* H.Lév. **A.** Dạng sống, **B.** Hình dạng lá (mặt trên và mặt dưới), **C.** Lá kèm (mặt ngoài và mặt trong), **D.** Cụm quả, **E.** Quả chín, **F.** Đài, **G.** Hạt cắt ngang, **H.** Hạt. (Ảnh: Nguyễn Quốc Bảo).

2. *Psychotria yunnanensis* Hutch. – Lầu Vân Nam

Hutch, J. 1916. In Sargent, C.S. Pl. Wilson. 3: 414. Pham, H.H., 2000. Illustr. Fl. Vietn. 3: 200. = *Psychotria kwangsiensis* H.L.Li in J. Arnold Arbor. 24: 457 (1943).

Mẫu chuẩn: TRUNG QUỐC. Yunnan, Szemao mountains to south, Henry N°12032^A (Isot.: NY!; K!), Henry N°12032^B (Parat.: US!), Henry N°12806 (Parat.: LE!), Henry N°12806^A (Parat.: LE!), Henry N°11447^A (Parat.: LE!).

Cây bụi, cao 1-4 m, toàn thân nhẵn. Lá mọc đối chữ thập, hình bầu dục, bầu dục thuôn, mũi mác thuôn, mũi mác ngược, kích thước 10-30 × 4-11 cm, mặt trên xanh đậm, mặt dưới xanh nhạt, nhọn hay có đuôi ngắn ở đỉnh, nhọn ở gốc, mép lá nguyên, hai mặt không lông; gân chính lồi ở mặt dưới; gân phụ 10-14 đôi, hướng lên, nổi ở mặt dưới, nhẵn bóng, không có hốc “domatia”, cuống lá dài 2-5 cm, hơi uốn cong phía gốc, nhẵn bóng. Lá kèm hình

trứng, dài 10-15 mm, đỉnh nhọn, chẻ đôi khoảng 1/3 lá kèm, mép nguyên, mặt ngoài và mặt trong nhẵn bóng, lá kèm sớm rụng. Cụm hoa hình chùm xim, mọc ở đầu cành, cuống cụm hoa dài 4,5-6 cm, màu xanh, nhẵn bóng; lá bắc hình tam giác thuôn hay hình dải, dài khoảng 1 cm, nhẵn bóng, lá bắc con dài 0,3 cm, nhẵn bóng. Hoa đều, lưỡng tính, mẫu 5, kích thước nhỏ; hoa có không cuống hay có cuống dài khoảng 2-3 mm; đài 5 thùy, hợp, màu xanh nhạt, hình tam giác hẹp hay thuôn hẹp, đỉnh dày, nhọn, dài 1,25-2 mm, ống đài dài 1-2 mm, đài nhẵn bóng; tràng 5 thùy, màu trắng, hình trứng hay tam giác, đỉnh nhọn, uốn cong khi nở rộ, kích thước 2-3 × 1-2 mm, ống tràng dài 4-5 mm, nhẵn hai mặt, vòng lông dày đặc ở họng tràng, màu trắng. Bộ nhị 5, chèn giữa họng tràng, nhô cao; chỉ nhị dài khoảng 0.3 mm, không lông, bao phấn hình elip, dài 1,2-1,4 mm, hai buồng phấn nối với nhau bởi trung đới, hướng nội, dính lưng. Bộ nhụy 2 lá noãn hợp, bầu dưới, bầu nhụy 2 ô, mỗi ô 1 noãn, dính noãn đáy; đầu nhụy chia 2 thùy, nhẵn; vòi nhụy và đầu nhụy dài 3 mm, không lông. Quả hạch, màu đỏ, hình bầu dục hay gần cầu, 6-12 × 5-7 mm, vỏ ngoài không lông; hạch 2, mặt bụng phẳng, mặt lưng lõm 4-5 sóng và 3-4 rãnh. Hạt nửa bầu dục hay nửa cầu, 8-10 × 4-5 mm, nội nhũ không rõ (**Hình 2**).

Sinh học và sinh thái: Mùa ra hoa tháng từ tháng 4 – 9, quả chín từ tháng 10 – 12. Cây sống nơi rừng thường xanh trong các khe núi, sườn đồi, độ cao từ 800 – 2300 m.

Phân bố: Việt Nam (Kon Tum, Gia Lai, Quảng Nam, Cao Bằng, Lào Cai). Ngoài ra, loài còn phân bố ở Trung Quốc (Quảng Tây, Tây Tạng, Vân Nam).

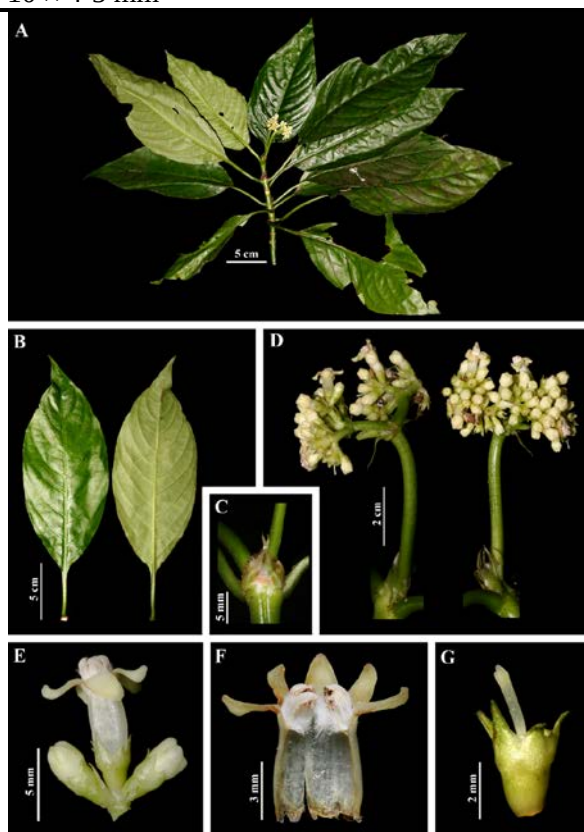
Mẫu nghiên cứu: VIỆT NAM. — CAO BẰNG, Averyanov, L. et al. CBL227 (P!). — KON TUM, Averyanov, L. et al. VH2356 (P!), Averyanov, L. et al. VH617 (BRIT!, P!, HN!), Averyanov, L. et al. VH776 (P!, HN!, NY!, BRIT!), Averyanov, L. et al. VH2208 (HN!), Averyanov, L. et al. VH1651 (HN!), Averyanov, L. et al. VH072 (HN!); Poilane, E. N°35809 (P!), Poilane, E. N°35765 (P!). — QUẢNG NAM, Nguyen, Q.B. et al. QB122 (VNM!), Averyanov, L. et al. VH921 (BRIT!, HN!, P!). — LÀO CAI, Nguyen, N.T. et al. N°3101 (P!), Nguyen, N.T. et al. N°3110 (P!), Nguyen, N.T. et al. N°3113 (P!). — GIA LAI, Trần, N.N, 35 (HN!). — CHƯA XÁC ĐỊNH, S. Coll. N°2616 (HN!), S. Coll. N°2916 (HN!). **TRUNG QUỐC.** 云南省 (VÂN NAM). S.K.Wu et al. N°437 (PE!), S.K.Wu et al. N°102 (PE!), S.K.Wu et al. N°2408 (PE!), M.K. Li N°2045 (IBSC!), 辛景三 (Xin, J.S.) N°331 (IBSC!), 张贵良 (Trang, G.L.) ZhangGL046 (KUN!).

Ghi chú: Lầu Vân Nam là một trong năm loài lầu đặc hữu và được ghi nhận tại Phía Nam Trung Quốc (Lu et al., 2014). Ở Việt Nam, các mẫu tiêu bản lưu trên các bảo tàng trước đây đã định danh nhầm giữa loài này và loài Lầu Mê Kông. Đây là lần đầu tiên chúng tôi thu mẫu và khẳng định chắc chắn về mặt phân loại và phân bố của loài này ở Việt Nam.

Về mặt hình thái, loài Lầu Vân Nam gần giống với loài Lầu Mê Kông, nhưng khác biệt ở những đặc điểm về cụm hoa, kích thước hoa và quả. Sự khác biệt về các đặc điểm hình thái giữa hai loài được thể hiện qua Bảng 2.

Bảng 2. So sánh đặc điểm hình thái
giữa loài Lầu Vân Nam (*P. yunnanensis*) và Lầu Mê Kông (*P. mekongensis*)

Đặc điểm	<i>P. yunnanensis</i>	<i>P. mekongensis</i>
Thân	1-4 m, nhẵn	Nhẵn
Cuống lá	2-5 cm, không lông	1,5-3,5 cm, không lông
Lá	Phiến lá 10-30 × 4-11 cm, không lông	14-23 × 4,5-8 cm
	Gân phụ 10-14 đôi	9-15 đôi
Lá kèm	Dài 10-15 mm, đỉnh nhọn, chẻ đôi khoảng 1/3 lá kèm	Dài 10 mm, rộng ở góc, đỉnh nhọn, chẻ đôi
Cụm hoa	Chùm xim, cuống cụm hoa 4,5-6 cm, trục phụ dài khoảng 1 cm, trục chính nhẵn.	Chùm xim, 1-3 cm, trục phụ rất ngắn hoặc không có, trục chính có lông mịn
Hoa	Đài Thùy dài 1,25-2 mm, ống đài dài 1-2 mm, nhẵn.	Thùy dài 1,5 mm, ống đài dài 1 mm, có lông mịn
	Tràng Thùy dài 2-3 mm, ống tràng dài 4-5 mm, nhẵn.	Thùy dài 2 mm, ống tràng dài 3 mm, có lông mịn
	Đầu nhụy 2 thùy	Không phân thùy
Quả	6-12 × 5-7 mm	7-8 × 4-5 mm
Hạch	Mặt bụng phẳng, mặt lưng lồi 4-5 sóng và 3-4 rãnh	Mặt bụng phẳng, mặt lưng lồi 5 sóng và 4 rãnh
Hạt	8-10 × 4-5 mm	-



Hình 2. *Psychotria yunnanensis* Hutch. **A.** Dạng sống, **B.** Hình dạng lá (mặt trên và mặt dưới), **C.** Lá kèm, **D.** Cụm hoa, **E.** Hoa và nụ hoa, **F.** Tràng cắt dọc để lộ bộ nhị, **G.** Đài và bộ nhụy. (Ảnh: Nguyễn Quốc Bảo)

4. Kết luận

Đã mô tả đặc điểm hình thái loài Lầu Henry (*Psychotria henryi* H.Lév) và loài Lầu Vân Nam (*Psychotria yunnanensis* Hutch.), cung cấp thông tin về mẫu chuẩn, phân bố, sinh học và sinh thái, mẫu nghiên cứu, ghi chú, hình ảnh minh họa của hai loài. Từ những thông tin trên, chúng tôi khẳng định sự phân bố của hai loài này tại Việt Nam.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

❖ **Lời cảm ơn:** Chúng tôi xin chân thành TS. Đinh Quang Diệp và anh Nguyễn Tấn Bình hỗ trợ trong quá trình thực địa thu mẫu tại Quảng Nam. Nguyễn Quốc Bảo được tài trợ bởi Chương trình học bổng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trong nước của Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup (VINIF), mã số VINIF.2023.TS.010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chen, T., & Taylor, C. M. (2011). *Psychotria* L. In: Wu Z. Y., P. H. Raven, & Hong D. Y. (Eds.). *Flora of China* (19, pp. 294-301). Science Press, Beijing & Missouri Botanical Garden Press, St Louis.
- Frodin, D. (2004). History and concepts of big plant genera. *Taxon*, 53, 741-752.
- Lu, Q. P., Wang, J. S., & Kong, L.Y. (2014). Chemical constituent from *Psychotria yunnanensis* and its chemitaxonomic study. *Biochemical Systematics and Ecology*, 52, 20-22.
- Nguyen, N. T. (2007). *Các phương pháp nghiên cứu thực vật* [Methods of Plant Research, 166 pp]. Vietnam National University Press, Hanoi.
- Nguyen, N. T., & Nguyen, T. T. (1998). *Đa dạng thực vật có mạch vùng núi cao Sa Pa – Phan Si Pan*. [Diversity of vascular plants of high mountain area: Sa Pa – Phan Si Pan, 126 pp.]. Vietnam National University Press.
- Nguyen, Q. B., Quach, V. T. E., Huynh H. D., Pham, Q. T., Truong, B. V., Yahara, T., Tagane, S., & Dang, V. S. (2023). A new species of *Psychotria* (Rubiaceae) from Bidoup – Núi Ba Nation Park, Vietnam. *Phytotaxa*, 618(2), 188-194. <http://dx.doi.org/10.11646/PHYTOTAXA.618.2.8>
- Pham, H. H. (2000). *Cây cỏ Việt Nam, tập 3*. [An Illustrated flora of Vietnam (vol 3, pp. 193-203)]. Young Publishing House.
- Pitard, J. (1924). Rubiaceae. In: Lecomte, H. H, *Flore Générale de L'indo-chine, Tome III* (pp 21-442). Paris Masson et Cie. Editeurs 120. Boulevard Saint Germain.
- Tran, N. N. (2005). Rubiaceae. In: Nguyen, T. B (Ed.), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*. [Checklist of Plant Species of Vietnam, (pp. 82-145)]. Agriculture Publishing House.
- Vo, V. C. (2012). *Tu diên Cây thuốc Việt Nam, tập I*. [Vietnam Medicinal Plants Dictionary, (vol I, pp. 1305-1309)]. Medical Publishing House.

**CONFIRMATION OF THE DISTRIBUTION
OF *Psychotria henryi* H.Lév AND *Psychotria yunnanensis* Hutch. IN VIETNAM
Nguyen Quoc Bao^{1,2*}, Dang Van Son^{1,2}, Quach Van Toan Em³, Pham Van Ngot³**

¹Graduate University of Science and Technology, Vietnam Academic of Science and Technology, Vietnam

²Institute of Tropical Biology, Vietnam Academic of Science and Technology, Vietnam

³Ho Chi Minh University of Education, Vietnam

*Corresponding author: Nguyen Quoc Bao – Email: quocbao.nguyen98@gmail.com

Received: June 24, 2024; Revised: November 11, 2024; Accepted: November 24, 2024

ABSTRACT

Psychotria henryi H.Lév. and *Psychotria yunnanensis* Hutch. belong to the *Psychotria* genus in the family Rubiaceae, and were first described in Yunnan, China. Based on a comparison of morphological characteristics, field surveys, taxonomic literature on the genus *Psychotria*, and the study of specimens of these species in herbariums, we confirmed the distribution of *Psychotria henryi* H.Lév. and *Psychotria yunnanensis* Hutch. in Vietnam. In this paper, we provided concise data on the taxonomy, types, morphology, ecology, and distribution of these species, along with comparisons with their relatives and accompanying color photographs and illustrations. The specimens were collected and are preserved in the Botanical and Zoological Herbarium of the Institute of Tropical Biology, Vietnam (VNM).

Keywords: distribution; morphology; Psychotrieae; Rubiaceae; Vietnam